

Số 28-TB/HĐTDCC

## THÔNG BÁO

### Kết quả thi tuyển công chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021

-----

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 103-KH/TU ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 06-KH/BCĐ ngày 22/9/2021 của Ban Chỉ đạo tuyển dụng công chức, viên chức tỉnh về tổ chức thi tuyển công chức, viên chức của tỉnh;

Hội đồng tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021 thông báo một số nội dung sau:

1- Thông báo kết quả thi tuyển công chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021 (có danh sách chi tiết kèm theo).

2- Hội đồng tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021 tiếp nhận đơn phúc khảo bài thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành từ ngày 22/12/2021 đến ngày 05/01/2022 (trong giờ hành chính).

Đơn phúc khảo gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy Tuyên Quang, địa chỉ: đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Phí phúc khảo: 150.000 đồng/ 01 bài thi theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính.



**Lưu ý:** Không thực hiện phúc khảo đối với đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau ngày 05/01/2022 (tính theo dấu bưu điện trên phong bì đơn nếu đơn được gửi theo đường bưu điện); không phúc khảo đối với đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

Hội đồng tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021 thông báo để thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Phó Bí thư TT Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐTDCC khối Đảng, đoàn thể (b/c),
- Các thành viên HĐTDCC khối Đảng, đoàn thể,
- Thí sinh có tên trong danh sách,
- Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh, Trang điện tử thành phần của Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đăng tải),
- Lưu Hội đồng tuyển dụng công chức khối Đảng, đoàn thể; Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

**TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC**  
kiêm  
**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**Ma Thế Hồng**



**KẾT QUẢ THI TUYỂN CÔNG CHỨC**  
**CÁC CƠ QUAN ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI NĂM 2021**  
*(Kèm theo Thông báo số 28-TB/HĐTDCC ngày 18/12/2021 của Hội đồng tuyển dụng công chức khối Đảng, đoàn thể)*

| STT  | Họ và tên                                 | Ngày, tháng năm sinh |            | Dân tộc | Ngạch công chức đăng ký dự thi | Mã số ngạch | Điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành | Đối tượng ưu tiên/ điểm ưu tiên |              | Tổng số điểm (=cột 8+cột 10) | Kết quả thi tuyển | Dự kiến kết quả tuyển dụng |
|------|-------------------------------------------|----------------------|------------|---------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|----------------------------|
|      |                                           | Nam                  | Nữ         |         |                                |             |                                         | Đối tượng ưu tiên               | Điểm ưu tiên |                              |                   |                            |
| 1    | 2                                         | 3                    | 4          | 5       | 6                              | 7           | 8                                       | 9                               | 10           | 11                           | 12                | 13                         |
| I    | VĂN PHÒNG TỈNH ỦY: 01 chỉ tiêu tuyển dụng |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 1    | Nguyễn Thị Thu Hiền                       |                      | 20/02/1991 | Kinh    | Chuyên viên                    | 01.003      | 85                                      |                                 |              | 85                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| II   | CƠ QUAN TỈNH ĐOÀN                         |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| II.1 | BAN TUYỂN GIÁO: 01 chỉ tiêu tuyển dụng    |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 2    | Châu Thu Diệu                             |                      | 30/10/1998 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 90                                      | DTTS                            | 5            | 95                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 3    | Quan Thị Phụng                            |                      | 22/03/1993 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 20                                      | DTTS                            | 5            | 25                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |



| STT  | Họ và tên                                                       | Ngày, tháng năm sinh |           | Dân tộc | Ngạch công chức đăng ký dự thi | Mã số ngạch | Điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành | Đối tượng ưu tiên/ điểm ưu tiên |              | Tổng số điểm (=cột 8+cột 10) | Kết quả thi tuyển | Dự kiến kết quả tuyển dụng |
|------|-----------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|---------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|----------------------------|
|      |                                                                 | Nam                  | Nữ        |         |                                |             |                                         | Đối tượng ưu tiên               | Điểm ưu tiên |                              |                   |                            |
| 1    | 2                                                               | 3                    | 4         | 5       | 6                              | 7           | 8                                       | 9                               | 10           | 11                           | 12                | 13                         |
| II.2 | BAN PHONG TRÀO: 01 chỉ tiêu tuyển dụng                          |                      |           |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 4    | Hà Thị Mỹ Hạnh                                                  |                      | 04/5/1995 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 32                                      | DTTS                            | 5            | 37                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |
| III  | KẾ TOÁN CƠ QUAN LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH: 01 chỉ tiêu tuyển dụng |                      |           |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 5    | Nguyễn Thị Thảo                                                 |                      | 07/5/1992 | Kinh    | Kế toán viên                   | 06.031      | 56                                      |                                 |              | 56                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 6    | Nguyễn Diệu Linh                                                |                      | 05/3/1997 | Kinh    | Kế toán viên                   | 06.031      | 10                                      |                                 |              | 10                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |
| IV   | HUYỆN LÂM BÌNH                                                  |                      |           |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| IV.1 | HUYỆN ĐOÀN: 01 chỉ tiêu tuyển dụng                              |                      |           |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 7    | Ma Thị Diệp                                                     |                      | 12/9/1993 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 88                                      | DTTS                            | 5            | 93                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 8    | Nguyễn Hồng Thanh                                               | 03/3/1992            |           | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 39                                      | DTTS                            | 5            | 44                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |



| STT  | Họ và tên                                                        | Ngày, tháng<br>năm sinh |            | Dân<br>tộc | Ngạch công<br>chức đăng ký<br>dự thi | Mã số<br>ngạch | Điểm bài thi<br>môn nghiệp<br>vụ chuyên<br>ngành | Đối tượng ưu tiên/<br>điểm ưu tiên |                 | Tổng số<br>điểm<br>(=cột<br>8+cột 10) | Kết quả<br>thi tuyển | Dự kiến<br>kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|------|------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------|------------|--------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|----------------------|-------------------------------------|
|      |                                                                  | Nam                     | Nữ         |            |                                      |                |                                                  | Đối tượng<br>ưu tiên               | Điểm ưu<br>tiên |                                       |                      |                                     |
| 1    | 2                                                                | 3                       | 4          | 5          | 6                                    | 7              | 8                                                | 9                                  | 10              | 11                                    | 12                   | 13                                  |
| IV.2 | <b>HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN: 01 chỉ tiêu tuyển dụng</b>        |                         |            |            |                                      |                |                                                  |                                    |                 |                                       |                      |                                     |
| 9    | Nguyễn Thị Huê                                                   |                         | 22/02/1991 | Tày        | Chuyên viên                          | 01.003         | 75                                               | DTTS                               | 5               | 80                                    | Đạt                  | Trúng<br>tuyển                      |
| V    | <b>HUYỆN CHIÊM HÓA</b>                                           |                         |            |            |                                      |                |                                                  |                                    |                 |                                       |                      |                                     |
| V.1  | <b>VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY CHIÊM HÓA: 01 chỉ tiêu tuyển dụng</b>      |                         |            |            |                                      |                |                                                  |                                    |                 |                                       |                      |                                     |
| 10   | Ma Thị Bích Ngọc                                                 |                         | 21/10/1992 | Tày        | Chuyên viên                          | 01.003         | 69,5                                             | DTTS                               | 5               | 74,5                                  | Đạt                  | Trúng<br>tuyển                      |
| V.2  | <b>BAN TUYỂN GIÁO HUYỆN ỦY CHIÊM HÓA: 01 chỉ tiêu tuyển dụng</b> |                         |            |            |                                      |                |                                                  |                                    |                 |                                       |                      |                                     |
| 11   | Đỗ Thị Bình                                                      |                         | 21/9/1991  | Kinh       | Chuyên viên                          | 01.003         | 24                                               |                                    |                 | 24                                    | Không<br>đạt         | Không<br>trúng<br>tuyển             |
| 12   | Hà Thị Út Trà                                                    |                         | 21/9/1996  | Tày        | Chuyên viên                          | 01.003         | 42                                               | DTTS                               | 5               | 47                                    | Không<br>đạt         | Không<br>trúng<br>tuyển             |



| STT | Họ và tên                                           | Ngày, tháng năm sinh |           | Dân tộc | Ngạch công chức đăng ký dự thi | Mã số ngạch | Điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành | Đối tượng ưu tiên/ điểm ưu tiên |              | Tổng số điểm (=cột 8+cột 10) | Kết quả thi tuyển | Dự kiến kết quả tuyển dụng |
|-----|-----------------------------------------------------|----------------------|-----------|---------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|----------------------------|
|     |                                                     | Nam                  | Nữ        |         |                                |             |                                         | Đối tượng ưu tiên               | Điểm ưu tiên |                              |                   |                            |
| 1   | 2                                                   | 3                    | 4         | 5       | 6                              | 7           | 8                                       | 9                               | 10           | 11                           | 12                | 13                         |
| 13  | Hoàng Văn Viễn                                      | 04/12/1994           |           | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 35                                      | DTTS                            | 5            | 40                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |
| V.3 | <b>HUYỆN ĐOÀN CHIÊM HÓA: 02 chỉ tiêu tuyển dụng</b> |                      |           |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 14  | Hà Thị Yến                                          |                      | 21/6/1995 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 86                                      | DTTS                            | 5            | 91                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 15  | Nguyễn Vi Hùng                                      | 17/6/1999            |           | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 51                                      | DTTS                            | 5            | 56                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 16  | Trịnh Thị Hậu                                       |                      | 03/3/1998 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 44                                      | DTTS                            | 5            | 49                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |
| 17  | Bàn Văn Niên                                        | 03/01/1993           |           | Dao     | Chuyên viên                    | 01.003      | 14                                      | DTTS                            | 5            | 19                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |
| 18  | Mai Duy Tùng                                        | 07/4/1996            |           | Kinh    | Chuyên viên                    | 01.003      | 20                                      |                                 |              | 20                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |



| STT | Họ và tên                                                    | Ngày, tháng năm sinh |            | Dân tộc | Ngạch công chức đăng ký dự thi | Mã số ngạch | Điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành | Đối tượng ưu tiên/ điểm ưu tiên |              | Tổng số điểm (=cột 8+cột 10) | Kết quả thi tuyển | Dự kiến kết quả tuyển dụng                   |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------------------|------------|---------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|----------------------------------------------|
|     |                                                              | Nam                  | Nữ         |         |                                |             |                                         | Đối tượng ưu tiên               | Điểm ưu tiên |                              |                   |                                              |
| 1   | 2                                                            | 3                    | 4          | 5       | 6                              | 7           | 8                                       | 9                               | 10           | 11                           | 12                | 13                                           |
| 19  | Tô Thị Hải Anh                                               |                      | 22/11/1998 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 20                                      | DTTS                            | 5            | 25                           | Không đạt         | Không trúng tuyển                            |
| 20  | Trương Thị Kim Hồng                                          |                      | 19/01/1997 | Mông    | Chuyên viên                    | 01.003      | 38                                      | DTTS                            | 5            | 43                           | Không đạt         | Không trúng tuyển                            |
| V.4 | HỘI NÔNG DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA: 01 chỉ tiêu tuyển dụng         |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                                              |
| 21  | Nguyễn Thế Trọng                                             | 03/10/1994           |            | Kinh    | Chuyên viên                    | 01.003      | 88                                      |                                 |              | 88                           | Đạt               | Trúng tuyển                                  |
| V.5 | HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ HUYỆN CHIÊM HÓA: 01 chỉ tiêu tuyển dụng |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                                              |
| 22  | Bàn Hồng Hạnh                                                |                      | 14/5/1995  | Dao     | Chuyên viên                    | 01.003      | 86                                      | DTTS                            | 5            | 91                           | Đạt               | Trúng tuyển                                  |
| 23  | Tô Thị Uyên                                                  |                      | 29/10/1998 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 82,5                                    | DTTS                            | 5            | 87,5                         | Đạt               | Không trúng tuyển do hết chỉ tiêu tuyển dụng |



| STT  | Họ và tên                                  | Ngày, tháng năm sinh |            | Dân tộc | Ngạch công chức đăng ký dự thi | Mã số ngạch | Điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành | Đối tượng ưu tiên/ điểm ưu tiên |              | Tổng số điểm (=cột 8+cột 10) | Kết quả thi tuyển | Dự kiến kết quả tuyển dụng |
|------|--------------------------------------------|----------------------|------------|---------|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------|---------------------------------|--------------|------------------------------|-------------------|----------------------------|
|      |                                            | Nam                  | Nữ         |         |                                |             |                                         | Đối tượng ưu tiên               | Điểm ưu tiên |                              |                   |                            |
| 1    | 2                                          | 3                    | 4          | 5       | 6                              | 7           | 8                                       | 9                               | 10           | 11                           | 12                | 13                         |
| VI   | HUYỆN NA HANG                              |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| VI.1 | VĂN PHÒNG HUYỆN ỦY: 01 chỉ tiêu tuyển dụng |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 24   | Hà Thị Duyên                               |                      | 04/01/1984 | Tày     | Văn thư viên                   | 02.007      | 86                                      | DTTS                            | 5            | 91                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| VI.2 | HUYỆN ĐOÀN: 01 chỉ tiêu tuyển dụng         |                      |            |         |                                |             |                                         |                                 |              |                              |                   |                            |
| 25   | Hà Thị Thu Hiền                            |                      | 28/10/1998 | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 85                                      | DTTS                            | 5            | 90                           | Đạt               | Trúng tuyển                |
| 26   | Ma Khánh Duy                               | 11/03/1997           |            | Tày     | Chuyên viên                    | 01.003      | 15                                      | DTTS                            | 5            | 20                           | Không đạt         | Không trúng tuyển          |